

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ khung tiêu chí đánh giá xã, phường, thị trấn
kiểu mẫu trong quản trị và hành chính công
trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Chương trình công tác năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh bạn hành kèm theo Quyết định 4051/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bộ khung tiêu chí đánh giá xã, phường, thị trấn kiểu mẫu trong quản trị và hành chính công trên địa bàn tỉnh Tiền Giang (sau đây gọi tắt là Bộ khung tiêu chí PAPI), với các nội dung sau:

1. Mục tiêu:

a) Xác định Bộ khung tiêu chí PAPI để theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan và công bằng kết quả nâng cao Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI) của các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

b) Hàng năm triển khai đánh giá, xác định, công bố xã, phường, thị trấn kiểu mẫu trong quản trị và hành chính công và tổ chức khen thưởng.

2. Yêu cầu:

a) Bộ khung tiêu chí PAPI phải bám sát nội dung Bộ Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI) do các cơ quan Trung ương xây dựng, công bố.

b) Xác định được thang điểm, phương pháp đánh giá cho các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần, từ đó đánh giá, công bố xã, phường, thị trấn kiểu mẫu trong quản trị và hành chính công trên địa bàn tỉnh.

3. Đối tượng áp dụng:

Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

4. Bộ khung tiêu chí PAPI được cấu trúc thành 8 lĩnh vực đánh giá như sau:

a) Tham gia của người dân cấp cơ sở

b) Công khai minh bạch

c) Trách nhiệm giải trình với người dân

- d) Kiểm soát tham nhũng khu vực công
- đ) Thủ tục hành chính công
- e) Cung ứng dịch vụ công
- g) Quản trị môi trường
- h) Quản trị điện tử

Chi tiết Bộ khung tiêu chí PAPI tại phụ lục I kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh có liên quan ban hành hướng dẫn về Tiêu chí thành phần, thang điểm và phương pháp đánh giá và tổ chức triển khai thực hiện.

b) Dự toán kinh phí thực hiện chung với kinh phí công tác cải cách hành chính hàng năm;

c) Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện của các địa phương và tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện hàng năm;

d) Tham mưu UBND tỉnh thành lập Tổ thẩm định, đánh giá để công nhận xã, phường, thị trấn kiểu mẫu trong quản trị và hành chính công hàng năm;

đ) Tham mưu UBND tỉnh công nhận xã, phường, thị trấn kiểu mẫu trong quản trị và hành chính công hàng năm.

2. Các sở, ngành tỉnh

a) Phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn về Tiêu chí thành phần, thang điểm; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện của các địa phương và tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) kết quả thực hiện hàng năm;

b) Phối hợp với Sở Nội vụ thẩm định, đánh giá để công nhận xã, phường, thị trấn kiểu mẫu trong quản trị và hành chính công hàng năm.

3. UBND các huyện, thành phố, thị xã

a) Chọn từ 1 đến 3 đơn vị đăng ký xã, phường, thị trấn kiểu mẫu trong quản trị và hành chính công để áp dụng thực hiện Bộ khung tiêu chí PAPI, đăng ký gửi về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) trong tháng 01 hàng năm.

b) Tập trung chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc các đơn vị tổ chức thực hiện đạt các tiêu chí xã, phường, thị trấn kiểu mẫu trong quản trị và hành chính công;

c) Tổng hợp kết quả thực hiện trên địa bàn huyện, thành phố, thị xã, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 25/11 hàng năm.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí triển khai Bộ khung tiêu chí và tổ chức đánh giá xã, phường, thị trấn kiểu mẫu trong quản trị và hành chính công trên địa bàn tỉnh được thực hiện từ nguồn kinh phí cải cách hành chính của tỉnh.

2. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ UBND các huyện, thành phố, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. / *1/2021*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Vụ CCHC - Bộ Nội vụ;
- TT.TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- Sở Nội vụ (Ban TĐ-KT);
- VPĐDBQH, HĐND & UBND: các PVP;
- BTCD, các phòng Nghiên cứu;
- Lưu: VT, NCPC(S).

25 *by*

CHỦ TỊCH *N*



Lê Văn Hương

Phụ lục I

Bộ khung tiêu chí đánh giá xã, phường, thị trấn kiểu mẫu trong quản trị và hành chính công trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1915/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

Stt	Lĩnh vực/tiêu chí	Ghi chú
1	Tham gia của người dân cấp cơ sở	
1.1	Tỷ lệ người dân được tham gia bầu cử Trưởng ấp, khu phố	
1.2	Kết quả tổ chức các cuộc bầu cử Trưởng ấp, khu phố	
1.3	Tỷ lệ người dân được mời dự các cuộc họp do ấp, khu phố và xã, phường, thị trấn tổ chức	
1.4	Số lượng người dân có đóng góp để xây dựng các công trình công cộng ở địa phương	
1.5	Số lượng người dân có tham gia giám sát việc xây dựng các công trình công cộng ở địa phương	
2	Công khai minh bạch	
2.1	Việc cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật của chính quyền địa phương cho người dân trên địa bàn	
2.2	Tính thiết thực của thông tin về chính sách, pháp luật mà chính quyền địa phương cung cấp cho người dân	
2.3	Việc công khai, minh bạch về danh sách hộ nghèo; thu chi ngân sách cấp xã; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; khung giá đền bù thu hồi đất	
2.4	Việc tiếp thu ý kiến đóng góp của người dân đối với danh sách hộ nghèo; thu chi ngân sách cấp xã; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; khung giá đền bù thu hồi đất	
3	Trách nhiệm giải trình với người dân	
3.1	Không có phản ánh của người dân về việc khó liên hệ với Trưởng ấp, khu phố và cán bộ, công chức cấp xã để nêu các phản ánh, kiến nghị	
3.2	Không có phản ánh của người dân về việc Trưởng ấp, khu phố và cán bộ, công chức cấp xã chưa tận tình giải đáp các phản ánh, kiến nghị	
3.3	Kết quả công tác tiếp công dân của chính quyền địa phương trong năm (rất tốt, tốt, chưa tốt)	
3.4	Kết quả giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo của chính quyền	



	địa phương trong năm (rất tốt, tốt, chưa tốt)	
4	Kiểm soát tham nhũng khu vực công	
4.1	Kết quả công tác phòng, chống tham nhũng của chính quyền địa phương trong năm (rất tốt, tốt, chưa tốt)	
4.2	Không có phản ánh của người dân về việc phải tốn thêm chi phí ngoài quy định để nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy phép xây dựng hoặc các giấy tờ hành chính khác	
4.3	Không có phản ánh của người dân về việc phải tốn thêm chi phí ngoài quy định để được quan tâm hơn khi khám, chữa bệnh tại Trạm y tế xã, phường, thị trấn	
4.4	Không có phản ánh của người dân về việc phải tốn thêm chi phí ngoài quy định để con em được quan tâm hơn khi học tại Trường tiểu học xã, phường, thị trấn	
5	Thủ tục hành chính công	
5.1	Kết quả thực hiện công tác Kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC)	
5.2	Công khai thủ tục hành chính và kết quả giải quyết hồ sơ	
5.3	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	
5.4	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	
5.5	Kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	
5.6	Không có phản ánh của người dân về việc phải chi thêm tiền ngoài quy định để làm thủ tục	
6.	Cung ứng dịch vụ công	
6.1	Chất lượng dịch vụ y tế công lập tại Trạm y tế xã, phường, thị trấn	
6.2	Chất lượng dạy và học ở Trường tiểu học xã, phường, thị trấn	
6.3	Về cấp điện và sự an toàn của lưới điện tại xã, phường, thị trấn	
6.4	Việc cấp nước và chất lượng nước sinh hoạt tại xã, phường, thị trấn	
6.5	Đường giao thông trên địa bàn xã, phường, thị trấn	
6.6	Dịch vụ thu gom rác thải tại xã, phường, thị trấn	
6.7	Việc đảm bảo an ninh, trật tự (trộm, cướp, ma túy, cờ bạc, tín dụng đen...) trên địa bàn xã, phường, thị trấn	

7	Quản trị môi trường	
7.1	Không có doanh nghiệp trên địa bàn xã, phường, thị trấn thực hiện không tốt nghĩa vụ bảo vệ môi trường	
7.2	Không có phản ánh của người dân về việc ô nhiễm không khí trên địa bàn xã, phường, thị trấn	
7.3	Chất lượng nước sông/kênh/rạch trên địa bàn xã, phường, thị trấn	
8	Quản trị điện tử	
8.1	Số người dân có truy cập, lấy các thông tin chỉ dẫn và biểu mẫu hồ sơ thủ tục hành chính Trên cổng thông tin điện tử của tỉnh (tại Bộ phận Một cửa xã, phường, thị trấn)	
8.2	Tỷ lệ hộ gia đình trên địa bàn xã, phường, thị trấn có kết nối Internet tại nhà	

